

**ĐỒ ÁN J2SCHOOL**

**TRANG WEB BÁN HÀNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM 18** | |
| **Thành viên** | NGUYỄN HỮU BÌNH |
| **Giảng viên** | NGUYỄN NAM LONG |

BÀ RỊA – VŨNG TÀU, 02 /2022**Mục lục**

1. Mở đầu3
2. **Giới thiệu**4
   1. Đưa ra vấn đề 4
   2. Hệ thống hiện tại 4
   3. Hệ thống đề nghị 4
   4. Công nghệ 4
3. **Phân tích yêu cầu người dùng**5
   1. Yêu cầu phi chức năng 5
   2. Yêu cầu chức năng 5
      1. Nhóm người dùng hệ thống 5
      2. Phân tích chức năng 6
4. Thiết kế hệ thống15
   1. Sơ đồ quan hệ thực thể 15
   2. Sơ đồ cơ sở dữ liệu 16
   3. Sơ đồ trang web 20
5. **Kết luận**21

# Mở đầu

Đây là đồ án được thực hiện sau khóa học Lập trình web cơ bản của thầy Nguyễn Nam Long. Được thực hiện để tổng hợp kiến thức, thể hiện kiến thức, và khả năng của bản thân em sau khóa học.

# Giới thiệu

## Đưa ra vấn đề

Dự án website bán hàng được thực hiện nhằm mục đích mở rộng thị trường của cửa hàng và giúp cừa hàng quản lí sản phẩm dễ dàng hơn.

## Hệ thống hiện tại

Hiện tại cửa hàng chưa được đưa vào hoạt động.

## Hệ thống đề nghị

Hệ thống sau khi được xây dựng sẽ giúp việc bán hàng của cửa hàng và đặt hàng của khách hàng trở nên thuận tiện hơn. Khách hàng dễ dàng trong việc tham khảo sản phẩm và đặt hàng và cửa hàng dễ dàng hơn trong việc chốt đơn, và quản lí đơn hàng. Hệ thống sẽ làm cửa hàng trở nên mới mẻ hơn so với các cửa hàng trên thị trường.

## Công nghệ

1. PHP version 7.4.19.
2. MySQL version 5.1.1.
3. HTML.
4. CSS.
5. Javascript.
6. Thư viện Jquery version 3.5.1 .

# Phân tích yêu cầu người dùng

## Yêu cầu phi chức năng

Giao diện dễ nhìn.

## Yêu cầu chức năng

### Nhóm người dùng của hệ thống

* **Khách hàng chưa có tài khoản:**
  + Đăng ký.
  + Xem tất cả sản phẩm.
  + Tìm kiếm.
  + Thay đổi thông tin cá nhân.
  + Đổi mật khẩu
  + Xem các đơn hàng của riêng cá nhân.
* **Khách hàng đã có tài khoản:**
* Đăng nhập.
* Tìm kiếm.
* Xem tất cả sản phẩm.
* Đặt hàng.
* **Nhân viên cửa hàng:**
* Đăng nhập.
* Tìm kiếm.
* Xem, sửa tất cả sản phẩm.
* Xem, sửa tất cả nhà sản xuất.
* Xem tất cả đơn hàng.
* Duyệt đơn hàng đang chờ.
* **Admin**
* Đăng nhập.
* Tìm kiếm.
* Xem, thêm, sửa, xóa thông tin nhân viên.
* Xem, thêm, sửa, xóa tất cả sản phẩm.
* Xem, thêm, sửa, xóa tất cả nhà sản xuất.
* Xem tất cả đơn hàng.
* Thay đổi tình trạng tất cả đơn hàng.

### Phân tích chức năng

<Phân tích yêu cầu cho từng chức năng đã xác định ở phần 3.2.1. Mỗi chức năng cần theo cấu trúc như đã hướng dẫn: thông tin đầu vào, thông tin đầu ra, cách thức xử lý, dữ liệu cần lưu trữ>

* **Đăng ký**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các tác nhân** | Khách hàng. |
| **Mô tả** | Đăng ký. |
| **Kích hoạt** | Nhấn vào dòng đăng ký trong trang đăng nhập. |
| **Đầu vào** | * Tên khách hàng. * Giới tính. * Email. * Địa chỉ. * Ngày, tháng, năm sinh. * Số điện thoại. * Mật khẩu. |
| **Trình tự xử lí** | 1. Chuyển sang form đăng ký. 2. Kiểm tra thông tin khách hàng đã điền, kiểm không được để trống. 3. Trống: chuyển hướng về trang đăng ký, thông báo lỗi 4. Kết nối cơ sở dữ liệu. 5. Kiểm tra email có trùng với email đã tồn tại trong hệ thống. 6. Trùng: chuyển hướng về trang đăng ký, thông báo lỗi. 7. Thêm thông tin người dùng đã điền vào cơ sở dữ liệu. |
| **Đầu ra** | Chuyển hướng về trang đăng nhập. |
| **Lưu ý** | Kiểm trang thông tin người dùng đã điền bằng JavaScript. |

* **Đăng nhập của khách hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách hàng |
| ***Mô tả*** | Đăng nhập |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Đăng nhập” trên thanh menu |
| ***Đầu vào*** | * Email đã được đăng ký * Mật khẩu * Lưu đăng nhập (tùy chọn) |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form đăng nhập. 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống.    1. Trống: chuyển hướng về trang đăng nhập và thông báo lỗi. 3. Kiểm tra email và mật khẩu có khớp với 1 tài khoản nào không.    1. Đúng:       1. Kiểm tra người dùng có chọn lưu đăng nhập hay không.       2. Nếu có, tạo phiên đăng nhập, lưu mã và tên khách hàng vào phiên đăng nhập. Tạo cookie và lưu mã ngẫu nhiên vào cookie. Nếu không, tạo phiên đăng nhập, lưu mã và tên khách hàng vào phiên đăng nhập.       3. Chuyển hướng tới trang chủ.    2. Sai: chuyển hướng về trang đăng nhập và thông báo lỗi. |
| ***Đầu ra*** | * Đúng: Chuyển hướng về trang chủ. * Sai: Hiển thị trang đăng nhập và thông báo lỗi. |
| ***Lưu ý*** | * Kiểm tra ô nhập không được để trống bằng JavaScript. |

* **Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Admin, nhân viên. |
| ***Mô tả*** | Đăng nhập. |
| ***Kích hoạt*** | Admin, nhân viên truy cập vào link cố định. |
| ***Đầu vào*** | Email đã được đăng ký.  Mật khẩu.  Lưu đăng nhập (tùy chọn). |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Chuyển sang form đăng nhập. 2. Lấy thông tin từ form, kiểm tra không được để trống. 3. Trống: chuyển hướng về trang đăng nhập và thông báo lỗi. 4. Kiểm tra email và mật khẩu có khớp với 1 tài khoản nào không    * + - 1. Đúng: 5. Kiểm tra người dùng có chọn lưu đăng nhập hay không. 6. Nếu có, tạo phiên đăng nhập, lưu mã và tên khách hàng vào phiên đăng nhập. Tạo cookie và lưu mã ngẫu nhiên vào cookie. Nếu không, tạo phiên đăng nhập, lưu mã và tên khách hàng vào phiên đăng nhập. 7. Chuyển hướng tới trang chủ.    * + - 1. Sai: chuyển hướng về trang đăng nhập và thông báo lỗi. |
| ***Đầu ra*** | Đúng: Chuyển hướng về trang chủ của admin hoặc nhân viên.  Sai: Hiển thị trang đăng nhập và thông báo lỗi. |
| ***Lưu ý*** | Kiểm tra ô nhập không được để trống bằng JavaScript. |

* **Thêm sản phẩm vào giỏ hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập. |
| ***Mô tả*** | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng chọn kích thước sản phẩm và ấn vào nút “Thêm vào giỏ hàng” cạnh sản phẩm. |
| ***Đầu vào*** | * Mã sản phẩm. * Kích thước sản phẩm. |
| ***Trình tự xử lý*** | * Mở phiên xử lý. * Kiểm tra trong phiên giỏ hàng đã tồn tại mã sản phẩm này với kích thước này chưa   1. Không: Thêm sản mã và kích thước vào phiên giỏ hàng với số lượng mặc định là 1.   2. Có: tăng số lượng thêm 1 trong phiên giỏ hàng theo mã sản phẩm. |
| ***Đầu ra*** | * Điều hướng quay lại và thông báo thành công |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Đặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách đã đăng nhập |
| ***Mô tả*** | Xử lý đặt hàng sau khi đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| ***Kích hoạt*** | Người dùng ấn vào nút “Thanh toán” trong giỏ hàng |
| ***Đầu vào*** | * Tên người nhận * Số điện thoại người nhận * Địa chỉ người nhận * Email người nhận * Ghi chú (tùy chọn) |
| ***Trình tự xử lý*** | 1. Kiếm tra thông tin khách hàng đã điền 2. Nếu còn trống, quay lại trang thanh toán và thông báo lỗi. 3. Lấy mã khách hàng từ phiên. 4. Kết nối cơ sở dữ liệu 5. Thêm vào hóa đơn(mã khách hàng, tên người nhận, địa chỉ người nhận, số điện thoại người nhận, ghi chú) 6. Lấy mã hóa đơn vừa thêm 7. Lấy thông tin đơn hàng từ phiên giỏ hàng và mã hóa. 8. Lấy tổng hóa đơn từ phiên tổng giá 9. Lấy thời gian tạo đơn bằng thời gian thực 10. Thêm vào hóa đơn chi tiết(mã hóa đơn, thông tin đơn hàng, tổng hóa đơn, thời gian tạo đơn, trạng thái – đang đợi) 11. Xóa thông tin phiên giỏ hàng và phiên tổng hóa đơn |
| ***Đầu ra*** | Hiển thị thông báo thành công và cảm ơn. Hiện nút nhấn điều hướng về trang chủ |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Đổi thông tin cá nhân:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Khách hàng đã có tài khoản |
| ***Mô tả*** | Tự thay đổi thông tin cá nhân. |
| ***Kích hoạt*** | Nhấn vào nút thay đổi ở trang Thông tin cá nhân |
| ***Đầu vào*** | Thông tin cá nhân cần thay đổi và thông tin cá nhân cũ. |
| ***Trình tự xử lý*** | * + - 1. Kiểm tra thông tin đã điền, kiểm tra bỏ trống.          1. Bỏ trống: quay lại trang Thay đổi thông tin cá nhân và thông báo lỗi.       2. Kết nối cơ sở dữ liệu.       3. Thay đổi thông tin người dùng theo mã lấy từ phiên làm việc. |
| ***Đầu ra*** | Thông báo thành công và chuyển hướng người dùng về trang Thông tin cá nhân |
| ***Lưu ý*** |  |

* **Đổi mật khẩu:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Người dùng đã có tài khoản. |
| ***Mô tả*** | Đổi mật khẩu. |
| ***Kích hoạt*** | Nhấn vào mục Đổi mật khẩu. |
| ***Đầu vào*** | Mật khẩu cũ.  Mật khẩu mới.  Mật khẩu xác nhận. |
| ***Trình tự xử lý*** | * + - 1. Kiểm tra mật khẩu, kiếm tra bỏ trống.          1. Bỏ trống: chuyển hướng về trang Đổi mật khẩu và thông báo lỗi.       2. Kiểm tra mật khẩu mới có trùng với mật khẩu cũ.          1. Trùng: chuyển hướng về trang Đổi mật khẩu và thông báo lỗi.       3. Kiểm tra mật khẩu mới có trùng mới mật khẩu xác nhận          1. Không trùng: chuyển hướng về trang Đổi mật khẩu và thông báo lỗi.       4. Kết nối cơ sở dữ liệu.       5. Thay đổi mật khẩu người dùng theo mã lấy từ phiên làm việc của người dùng. |
| ***Đầu ra*** | Thông báo thành công. |
| ***Lưu ý*** | Kiểm tra bỏ trống và mật khẩu bằng JavaScript. |

* **Sửa sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Admin, nhân viên. |
| ***Mô tả*** | Sửa thông tin sản phẩm. |
| ***Kích hoạt*** | Admin hoặc nhân viên nhấn vào nút “Sửa” trong bảng Quản lí sản phẩm. |
| ***Đầu vào*** | Thông tin sản phẩm, thông tin cần sửa đổi. |
| ***Trình tự xử lý*** | * + - 1. Kiểm tra thông tin sản phẩm có bị bỏ trống.   1. Trống: điều hướng về trang sửa thông tin, thông báo lỗi.  1. Kiểm tra ảnh sản phẩm có thay đổi    * + - 1. Có: mã hóa ảnh mới, lưu vào thư mục, xóa ảnh cũ. 2. Kết nối cơ sở dữ liệu. 3. Thay đổi dữ liệu sản phẩm cũ bằng dữ liệu mới. |
| ***Đầu ra*** |  |
| ***Lưu ý*** | Kiểm tra thông tin được điền vào bằng JavaScript và PHP. |

* **Sửa nhà sản xuất:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Admin, nhân viên. |
| ***Mô tả*** | Thay đổi tên nhà sản xuất. |
| ***Kích hoạt*** | Nhấn vào nút “Sửa” trong bảng Quản lí nhà sản xuất. |
| ***Đầu vào*** | Tên nhà sản xuất đã sửa. |
| ***Trình tự xử lý*** | * + - 1. Kiếm tra bỏ trống thông tin thay đổi.          1. Trống: điều hướng về trang thay đổi, thông báo lỗi.       2. Kết nối cơ sở dữ liệu.       3. Thay đổi thông tin dữ liệu nhà sản xuất cũ bằng thông tin thay đổi. |
| ***Đầu ra*** | Điều hướng về trang Quản lí nhà sản xuất. |
| ***Lưu ý*** | Kiếm tra bỏ trống bằng JavaScript và PHP. |

* **Sửa thông tin nhân viên:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Các tác nhân*** | Admin. |
| ***Mô tả*** | Thay đổi thông tin nhân viên. |
| ***Kích hoạt*** | Nhấn váo nút “Sửa” trong bảng |
| ***Đầu vào*** | Thông tin nhân viên cần thay đổi |
| ***Trình tự xử lý*** | Kiểm tra thông tin đầu vào, kiểm tra bỏ trống.  Trống: điều hướng về trang thay đổi thông tin, thông báo lỗi.  Kết nối cơ sở dữ liệu.  Thay đổi thông tin cữ của nhân viên bằng thông tin mới. |
| ***Đầu ra*** | Chuyển hướng về trang quản lí nhân viên. |
| ***Lưu ý*** | Kiểm tra thông tin bằng JavaScript và PHP. |

# Thiết kế hệ thống

## Sơ đồ quan hệ thực thể

Diagram

Description automatically generated

## Sơ đồ cơ sở dữ liệu

|  |  |
| --- | --- |
| **bill** | |
| bill\_id | int primary key auto\_increment |
| user\_id | int foreign key user(user\_id) |
| user\_name | varchar(50) |
| user\_address | varchar(300) |
| user\_email | varchar(50) |
| user\_phone | int |
| note | text |
| total | int |
| create\_at | datetime |
| status | tinyint(1) |

|  |  |
| --- | --- |
| **bill\_detail** | |
| bill\_id | int key foreign bill(bill\_id) |
| product\_id | int key foreign product(product\_id) |
| quantity | int |

|  |  |
| --- | --- |
| **manufacturer** | |
| manufacturer\_id | int primary key auto\_increment |
| manufacturer\_name | varchar(200) |

|  |  |
| --- | --- |
| **product** | |
| product\_id | int primary key auto\_increment |
| product\_name | varchar(100) |
| manufacturer\_id | int foreign key manufacturer(manufacturer\_id) |
| product\_image | varchar(200) |
| price | int |
| description | text |
| product\_size | varchar(20) |
| type\_id | varchar(50) |

|  |  |
| --- | --- |
| **type** | |
| type\_id | int primary key auto\_increment |
| type\_name | varchar(200) |

|  |  |
| --- | --- |
| **staff** | |
| staff\_id | int primary key auto\_increment |
| staff\_name | varchar(50) |
| gender | varchar(10) |
| staff\_email | varchar(50) |
| staff\_phone | int |
| staff\_birthday | date |
| staff\_password | varchar(20) |
| staff\_address | text |
| level | int(1) |
| token | varchar(100) |

|  |  |
| --- | --- |
| **user** | |
| user\_id | int primary key auto\_increment |
| user\_name | varchar(50) |
| gender | varchar(10) |
| user\_phone | int |
| user\_address | varchar(300) |
| user\_email | varchar(50) |
| user\_password | varchar(20) |
| user\_birthday | date |
| token | varchar(100) |

Graphical user interface, application

Description automatically generated

## Sơ đồ trang web

* Chart, diagram, box and whisker chart

  Description automatically generated**Khách hàng:**
* **Admin:**

Diagram

Description automatically generated

* **Nhân viên:**

Timeline

Description automatically generated

# Kết luận

<Đã làm được những gì? Hướng mở rộng? Lời cảm ơn>